

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08/6/2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phước.

2. Ông Nguyễn Mạnh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/6/2018 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2018/TLST – HNGĐ ngày 26/3/2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐXXST– HNGĐ ngày 21/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: A, tổ B, ấp HĐ, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Lê Phan Anh T, sinh năm 1986.

Địa chỉ thường trú: C, tổ B, ấp HĐ, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: ấp PH, xã LP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Chị N có mặt; anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn, chị Tạ Thị N trình bày:***

Chị và anh Lê Phan Anh T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Long Thành. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Vợ chồng đã chính thức ly thân từ ngày 12/02/2018 tới nay. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

*** *Tại Bản tự khai ngày 18/5/2018 và Biên bản hòa giải, bị đơn anh Lê Phan Anh T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tạ Thị N kết hôn với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng chưa thật sự hiểu nhau. Anh chị đã sống ly thân từ ngày 12/02/2018 tới nay. Nay, anh không đồng ý ly hôn do vẫn còn thương vợ.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị N và anh T được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Tạ Thị N.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lê Phan Anh T là bị đơn trong vụ án thường trú tại xã PT, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Chị Tạ Thị N khởi kiện xin được ly hôn với anh Lê Phan anh T, Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ là “Tranh chấp ly hôn”.

- Bị đơn anh Lê Phan Anh T có đơn xin vắng mặt trong các phiên tòa xét xử nên Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị N và anh Lê Phan Anh T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp nên khi có yêu cầu ly hôn, Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Theo chị N, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm không còn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ ngày 12/02/2018 tới nay.

Còn anh T cũng thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do chưa thật sự hiểu nhau nhưng không nghiêm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ ngày 12/02/2018 tới nay.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành xác minh tại địa phương thì được biết, vợ chồng anh T, chị N có phát sinh mâu thuẫn, khoảng tháng 1/2018, anh T về nhà của ông Phan Văn Lâm là cậu ruột sinh sống.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T là có thật, điều này được các đương sự thừa nhận. Vợ chồng chị N, anh T đã sống ly thân từ tháng 02/2018 tới nay, không quan tâm tới nhau. Anh T cho rằng vẫn rất thương vợ nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ anh T cũng không quan tâm đến hạnh phúc gia đình nữa. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã động viên để chị N xin rút đơn, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với anh T nhưng chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh T là có thật, tình cảm vợ chồng giữa chị N với anh T không còn, nếu có tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí HNGĐ- ST: Chị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39; Điều 203, 220, 228, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tạ Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tạ Thị N được ly hôn với anh Lê Phan Anh T.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí HNGĐ – ST: Chị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 005493 ngày 21/3/2018.

Chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự H. Long Thành;
- VKS H. Long Thành;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Đình Trung